



# **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ BĐKH, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030**

**Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường (CTSEN)**

**Hà Nội, 24.6.2020**



# NỘI DUNG BÀI TRÌNH BÀY



**I. Giới thiệu về nhiệm vụ**

**II. Tính thống nhất với các chiến lược khác**

**III. Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch**

**IV. Đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chiến lược**

4.1. Kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với BĐKH

4.2. Bối cảnh quốc tế và trong nước

4.3. Đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện Chiến lược

**V. Kết luận và Kiến nghị**



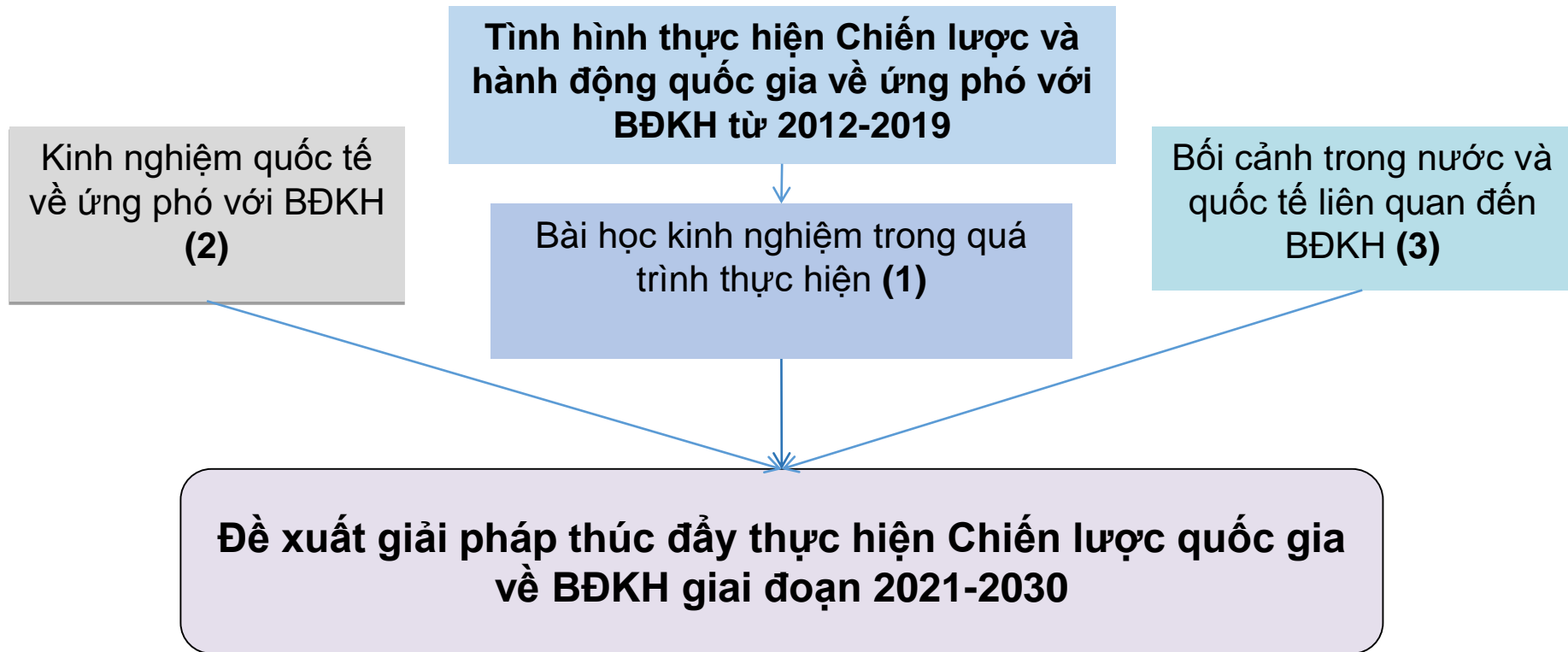
# I. GIỚI THIỆU VỀ NHIỆM VỤ VÀ TIẾP CẬN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ



## 1.1 Giới thiệu chung về nhiệm vụ

- **Tên nhiệm vụ:** Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về BĐKH, đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện chiến lược trong giai đoạn 2021-2030
- **Nội dung thực hiện:**
  - + Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về BĐKH
  - + Nghiên cứu, rà soát kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với BĐKH
  - + Đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện chiến lược trong giai đoạn 2021-2030
- **Cơ quan tài trợ:** Cơ quan phát triển Pháp (Afd)
- **Cơ quan thụ hưởng:** Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường
- **Thời gian thực hiện:** 9/2019 - 6/2020

## 1.2 Tiếp cận thực hiện nhiệm vụ





# Quy trình thực hiện



**Bước 1:** Xây dựng khung tiêu chí và bộ chỉ tiêu đánh giá

**Bước 2:** Xây dựng bảng hỏi và mẫu phiếu thu thập thông tin (có lồng ghép 78 nội dung/chỉ tiêu đánh giá) để gửi tới các Bộ, ngành và địa phương. Đồng thời, tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với BĐKH

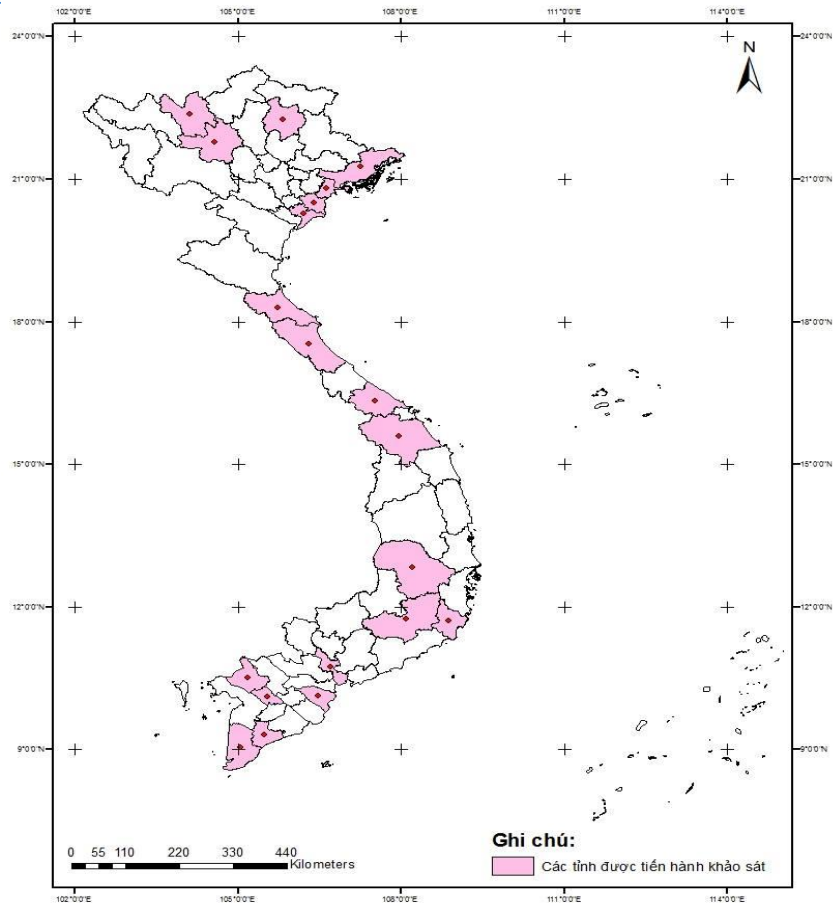
**Bước 3:** Tổ chức tham vấn chuyên gia, chủ đầu tư (Cục BĐKH) và nhà tài trợ (AfD) để hoàn thiện bảng hỏi và mẫu phiếu thu thập thông tin

**Bước 4:** Gửi bảng hỏi và phiếu thu thập thông tin đến 14 Bộ, ngành và 63 địa phương. Thực hiện đơn đốc và tiếp nhận thông tin số liệu từ bảng hỏi và phiếu thu thập thông tin từ các Bộ, ngành và địa phương

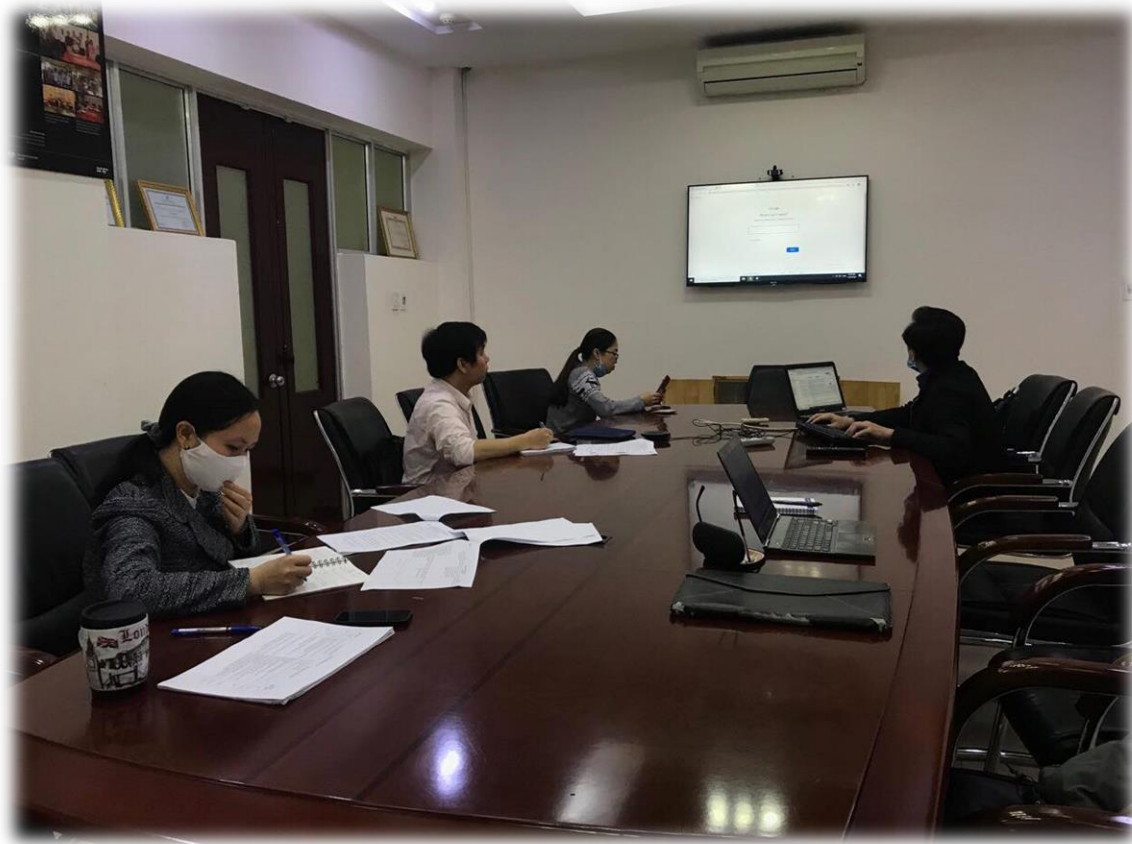
**Bước 5:** Tổ chức khảo sát thực tế, tham vấn trực tiếp tại 8 Bộ, ngành và 20 địa phương.

**Bước 6:** Xây dựng Dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động về BĐKH, đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2030

**Bước 7:** Tổ chức các cuộc họp chuyên gia, hội thảo tham vấn và hoàn thiện Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH, đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2030



Tỉnh/Thành phố	Nội dung khảo sát liên quan đến
Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Lào Cai, Yên Bái	Mục tiêu, nhiệm vụ về chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu
Bắc Cạn, Lâm Đồng, Lào Cai, Yên Bái	Mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học
Nam Định, Thái Bình, Cà Mau, Bến Tre, Cần Thơ	Mục tiêu, nhiệm vụ về đảm bảo an ninh lương thực
Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lào Cai	Mục tiêu, nhiệm vụ về đảm bảo an ninh tài nguyên nước
Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và Bến Tre	Mục tiêu, nhiệm vụ về ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương
Ninh Thuận, Bạc Liêu,	Mục tiêu, nhiệm vụ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới
Hải Phòng, Quảng Ninh	Nhiệm vụ về giảm phát thải trong ngành năng lượng
An Giang, Thừa Thiên Huế	Nhiệm vụ về xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu



Tham vấn trực tuyến trong thời gian hạn chế đi lại do dịch Covid nhằm bổ sung thông tin đánh giá còn thiếu.



# Một số hình ảnh tham vấn chuyên gia

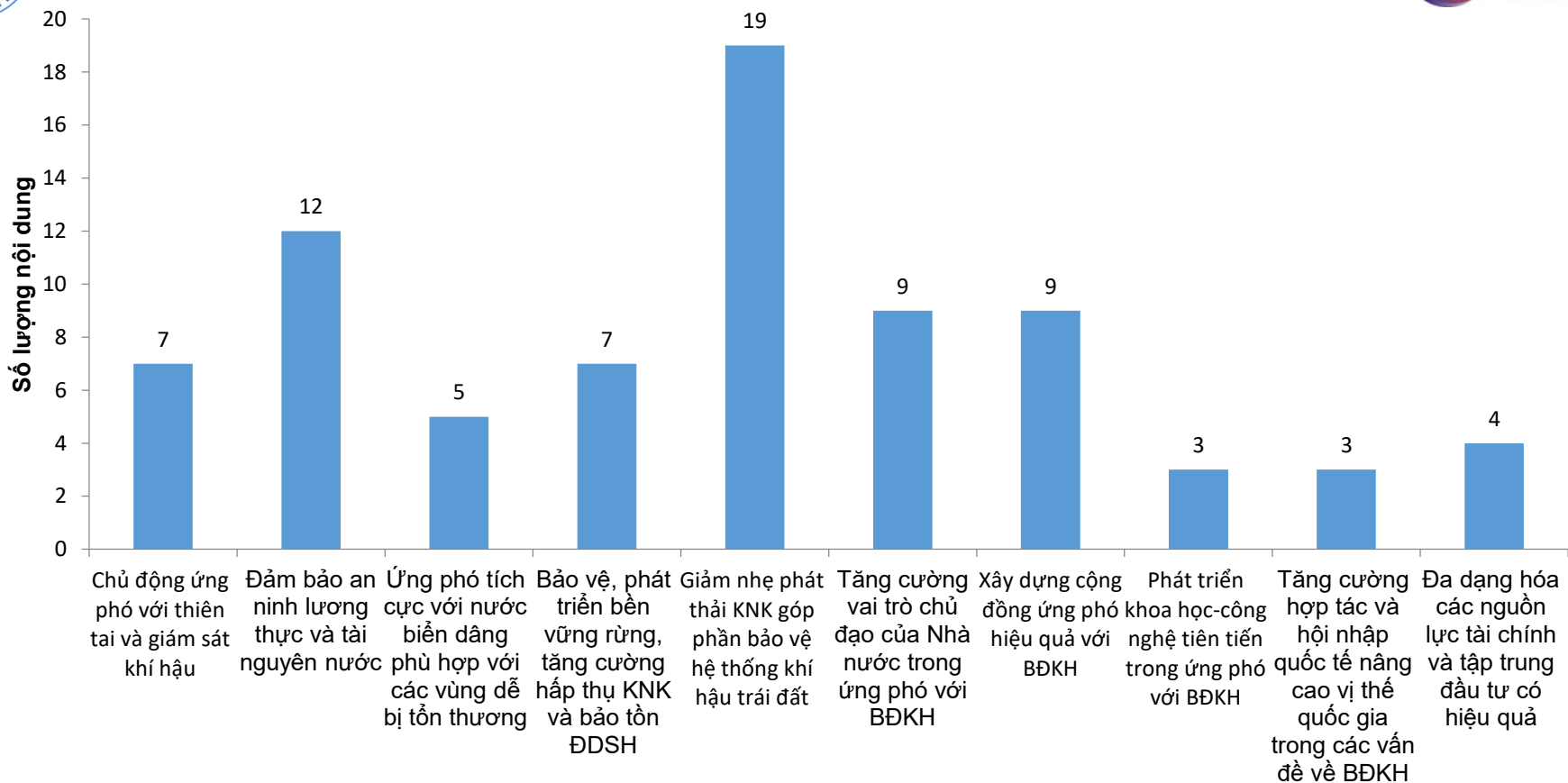




## II. ĐÁNH GIÁ TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC CHIẾN LƯỢC KHÁC



## 2.1 Giới thiệu về Chiến lược quốc gia về BĐKH



## 2.2. Tính thống nhất với các chiến lược khác

- **Trong giai đoạn 2011 - 2013**, nhiều Chiến lược đã được ban hành như Chiến lược tăng trưởng xanh, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Chiến lược Phát triển bền vững, Chiến lược phát triển năng lượng, Chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học, Chiến lược quản lý tổng hợp về chất thải rắn, Chiến lược phát triển lâm nghiệp và Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước;
- Các mục tiêu và nhiệm vụ, nội dung của các Chiến lược **đều có sự thống nhất với Chiến lược quốc gia về BĐKH**;
- Một số **nội dung có sự trùng lặp**, nhưng nếu xét về mức độ chi tiết, thì có thể xem như là cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược quốc gia về BĐKH mà các ngành/lĩnh vực sẽ triển khai.



# III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



## **3.1. Nội dung đánh giá**

### ***3.1.1 Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược***

Đánh giá tình hình thực hiện 10 nhóm nhiệm vụ ở 2 khía cạnh:

- Ban hành các văn bản chính sách liên quan
- Thực tế triển khai và kết quả đạt được theo 10 nhóm nhiệm vụ mà Chiến lược đã đề ra.



### **3.1.2 Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động**

Đánh giá tình hình triển khai thực hiện (được thực hiện độc lập hay lồng ghép vào các chương trình dự án, đề án khác) và một số kết quả chính đã đạt được của:

- 10 chương trình, đề án và dự án ưu tiên giai đoạn 2012-2015
- 65 chương trình, dự án và nhiệm vụ giai đoạn 2012-2020.



## 3.2. Kết quả đạt được

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (1)

#### (1) Chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu

- Hệ thống quan trắc KTTV **đã được quan tâm đầu tư**; độ tin cậy trong **các bản tin dự báo**, cảnh báo thiên tai (áp thấp nhiệt đới, bão, lũ,...) đã được tăng lên; công nghệ dự báo KTTV dần tiếp cận trình độ các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.
- Việc xây dựng các công trình **phòng chống thiên tai trọng điểm** được quan tâm đầu tư; phương châm “4 tại chỗ” trong phòng chống, giảm nhẹ thiên tai tiếp tục được áp dụng từ trung ương đến địa phương; **công tác bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Thiệt hại do thiên tai gây ra trong vòng 10 năm gần đây nhỏ hơn đáng kể so với 10 năm trước.**



### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (2)

#### (2) Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước

- Diện tích **đất sản xuất nông nghiệp và diện tích trồng lúa vẫn được bảo đảm**; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã được triển khai (các địa phương đã chuyển đổi khoảng 200.000 ha gieo trồng lúa kém hiệu quả); ứng dụng công nghệ sinh học; **hệ thống kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi đã được xây dựng và ban hành**; chính sách bảo hiểm nông nghiệp đã được triển khai thí điểm.
- Quy hoạch các lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, sông Hồng - Thái Bình, Sesan-Srepok đã được đưa vào trong **Nhiệm vụ Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030**; Hệ thống các công trình thủy lợi tiếp tục được quan tâm đầu tư; **Đã xây dựng, ban hành, chỉnh sửa và hoàn thiện 11 quy trình vận hành liên hồ chứa** trên 11 lưu vực sông.

### **3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (3)**

#### **(3) Ứng phó tích cực với NBD phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương**

- Hoạt động **dự báo, đánh giá tác động do nước biển dâng đã được triển khai**. Các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện nghiên cứu và đánh giá tác động của BĐKH;
- BĐKH và các **vấn đề ứng phó với xâm nhập mặn nước biển dâng, đặc biệt ở vùng ĐBSCL, Nam Trung Bộ đã được tích hợp trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia 5 năm 2016-2020**
- **Quy hoạch các khu dân cư ứng phó với BĐKH**, hệ thống cụm tuyến dân cư vượt lũ ĐBSCL đã được thực hiện.
- **Nghị quyết 120/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH** được ban hành đã thay đổi tư duy phát triển, coi nước mặn, nước lợ cũng là tài nguyên, chuyển đổi định hướng phát triển nông nghiệp.

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (4)

(4) Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học

- Các chương trình, kế hoạch, **đề án bảo vệ và phát triển rừng đã được triển khai trên cả nước**, làm tăng đáng kể diện tích và độ che phủ rừng;
- Về bảo tồn đa dạng sinh học, đã có tiến bộ trong quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; **số lượng khu bảo tồn đã tăng từ 166 năm 2015 lên 169 khu bảo tồn năm 2017 với diện tích ~2,1 triệu ha**;
- Chương trình REDD+ đã được thực hiện ở nhiều địa phương trên cả nước, qua đó **nâng cao khả năng hấp thụ các-bon của rừng**, hỗ trợ thích ứng với BĐKH;
- Đã ban hành nhiều **chính sách về bảo vệ, quản lý bền vững rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất hiện có**



### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (5)

(5) Giảm nhẹ phát thải KNK góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất

a) Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới

- **Quy hoạch thủy điện tiếp tục được rà soát, điều chỉnh.** Tổng công suất tất cả các nhà máy thủy điện trên cả nước hiện nay khoảng 18.880 MW, xấp xỉ đạt mục tiêu đề ra đến 2020 của Chiến lược;
- Chiến lược phát triển **năng lượng tái tạo** của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Đề án **Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia** giai đoạn 2011-2020;
- Nguồn cung năng lượng của đất nước có bước cải thiện; **an ninh năng lượng tiếp tục được bảo đảm trong giai đoạn 2011-2019**; tỷ trọng năng lượng tái tạo đạt khoảng 20-22% trong tổng nguồn cung năng lượng thương mại sơ cấp. Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị đã ban hành định hướng chiến lược phát triển năng lượng đến 2030, trong đó chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phát triển NLTT.

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (6)

#### b) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng

- Hệ thống chính sách, **pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tiếp tục được hoàn thiện.**
- Việc nghiên cứu, **phát triển các công nghệ, thiết bị hiệu quả năng lượng, chương trình phát triển vật liệu không nung**, bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời đã được triển khai
- Hệ thống định giá năng lượng, **biểu giá điện đối với khu vực hộ gia đình được xây dựng theo cơ chế lũy tiến** nhằm khuyến khích sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

## 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (7)

### b) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng (tiếp)

- **Phát điện từ chất thải**, một số dự án thu hồi khí từ bãi chôn lấp rác để phát điện ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện
- Chương trình MTQG về sử dụng tiết kiệm, **hiệu quả năng lượng giai đoạn 2011-2015 đã tiết kiệm được 5,65%**, đạt mục tiêu đề ra.
- Các cơ sở công nghiệp **sử dụng năng lượng trọng điểm đã được theo dõi, giám sát chặt chẽ** với các yêu cầu về thực hiện kế hoạch sử dụng tiết kiệm năng lượng và kiểm toán năng lượng theo quy định.
- Việc dán nhãn năng lượng các **sản phẩm đạt nhiều kết quả, đến tháng 6/2018, đã có khoảng 5.000** mã sản phẩm thuộc 19 chủng loại thiết bị đã được dán nhãn năng lượng.

## 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (8)

### c) Nông nghiệp

- Ngành NNPTNT đã và đang thực hiện **nhều biện pháp canh tác, sử dụng phân bón, thức ăn chăn nuôi, xử lý chất thải vật nuôi** phù hợp để giảm phát thải KNK.
- Đã xây dựng và triển khai nhân rộng các mô hình, biện pháp canh tác tiên tiến như thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), **quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), kỹ thuật canh tác 3 giảm 3 tăng (3G3T)**, kỹ thuật canh tác 1 phải 5 giảm (1P5G), quản lý dịch bệnh tổng hợp (IPM), hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI).
- **70% chất thải vật nuôi được xử lý** bằng các biện pháp thân thiện môi trường.

## 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (10)

### d) Quản lý chất thải

- Công tác quy hoạch quản lý CTR đã được **thực hiện đối với các vùng, các lưu vực sông** và ở các địa phương;
- **Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn 3 vùng kinh tế trọng điểm** Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam, các lưu vực sông Cầu, Nhuệ-Đáy, Đồng Nai đã được ban hành. 63/63 tỉnh/thành phố đã lập và phê duyệt quy hoạch quản lý CTR;
- **Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đã tăng** trong giai đoạn 2012-2019.



### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (10)

(6) Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó BĐKH

*a) Điều chỉnh, lồng ghép vấn đề BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch*

- Trong giai đoạn 2011-2019, **các Bộ, ngành và nhiều địa phương trong cả nước đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh để lồng ghép BĐKH** trong các quy hoạch phát triển KT-XH và các kế hoạch ngành, lĩnh vực;
- BĐKH đã **được tích hợp vào Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 05 năm 2016-2020**. Thực hiện **Luật Quy hoạch 2017 vấn đề BĐKH sẽ được tích hợp** trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (11)

(6) Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó BĐKH

*b) Hoàn thiện và tăng cường thể chế*

- Ủy ban Quốc gia về BĐKH đã được thành lập vào năm 2012;
- Hệ thống chính sách, pháp luật tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. BĐKH đã được quy định trong **01 chương riêng trong Luật BVMT 2014**. Đã xây dựng và sửa đổi, ban hành 10 Luật có liên quan đến BĐKH
- Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 13/6/2013 về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT đã **huy động sự tham gia của toàn hệ thống chính trị trong ứng phó với BĐKH**;
- Tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy về ứng phó với BĐKH tiếp tục được hoàn thiện. Cục Biến đổi khí hậu được thành lập; ở các địa phương, **phòng KTTV và BĐKH** được tổ chức tại **18/63 Sở TNMT**.

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (12)

#### (7) Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH

##### a) Cộng đồng ứng phó với BĐKH

- Vai trò của cộng đồng, chính quyền các cấp, các tổ chức quần chúng đã được luật hóa trong Luật Phòng chống thiên tai 2013, Luật BVMT 2014. **Hoạt động nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng** đã đạt nhiều kết quả, được triển khai tại **1.900 xã/6.000 xã** thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai;
- Các địa phương trong cả nước đều **chú trọng phát triển và đa dạng hóa sinh kế thông qua** các hoạt động như chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi;
- **Nhiều mô hình sinh kế cộng đồng theo hướng các-bon thấp** tiêu biểu đã được thí điểm ở các địa phương;
- **Kiến thức bản địa đã được vận dụng ở nhiều vùng**, địa phương, đặc biệt ở miền núi phía Bắc

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (13)

#### (7) Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH

##### *b) Nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH*

- **Tăng cường năng lực cho hệ thống y tế**, hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành y tế đã được quan tâm. Tỷ lệ chi cho hoạt động đầu tư phát triển chiếm khoảng **11% ngân sách của ngành y tế**;
- Hệ thống **chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng đã được ban hành** đến với đông đảo người dân đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương
- **Đã cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho các hộ gia đình nghèo**, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; trẻ em dưới 6 tuổi, người già trên 80 tuổi, người khuyết tật
- **100% dân số được tiếp cận** với dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản.

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (14)

#### (7) Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH

##### c) Nâng cao nhận thức, giáo dục và đào tạo

- **Hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức** cho các cán bộ trong ngành và cộng đồng đã được các bộ, ngành, địa phương triển khai mạnh mẽ, rộng khắp.
- **Nhiều hình thức truyền thông đa dạng** đã được áp dụng như TH, mạng XH
- **Nội dung BĐKH tiếp tục được đưa vào trong các chương trình**, bậc giáo dục đào tạo phổ thông, mầm non, đào tạo nghề.
- Việc truyền thông tăng cường ý thức, trách nhiệm cá nhân và cộng đồng tại các địa phương về ứng phó BĐKH được thực hiện. **Đã thí điểm các mô hình tiêu biểu như sử dụng tiết kiệm điện trong mỗi hộ gia đình**; sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời; phát triển điện mặt trời mái nhà; sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng,... ở nhiều địa phương.

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (15)

#### (8) Phát triển khoa học - công nghệ tiên tiến trong ứng phó BĐKH

- **Nhiều trường đại học và viện nghiên cứu đã xây dựng** và phát triển các chuyên ngành về quản lý, đánh giá, giám sát và dự báo tác động của BĐKH với phát triển kinh tế - xã hội, chăm sóc sức khỏe, sản xuất, tiêu dùng.
- Các **chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước về BĐKH** đã được xây dựng và triển khai thực hiện.
- Nhiều **kết quả nghiên cứu KHCN đã được ứng dụng** trong trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, GTVT, y tế, xây dựng, dân sinh, quản lý TNMT;
- Nhiều **giống cây trồng, vật nuôi và các quy trình sản xuất thích ứng BĐKH**, các giải pháp, mô hình tích hợp thích ứng, giảm nhẹ BĐKH được chuyển giao áp dụng tại các địa phương, có khả năng nhân rộng trong thời gian tới.

### ***3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (16)***

(9) Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế nâng cao vị thế quốc gia trong các vấn đề về BĐKH

- Việt Nam đã và đang **tích cực thực hiện các nghĩa vụ của nước thành viên của UNFCCC**, Nghị định thư Kyoto, Thỏa thuận Paris;
- **Tăng cường thông tin đối thoại về BĐKH**, Việt Nam đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về thông tin, báo cáo; tích cực tham gia các Hội nghị thường niên (COP);
- **Đã chú trọng các hoạt động hợp tác trong giám sát, chia sẻ thông tin trong các vấn đề xuyên biên giới**; tham gia tích cực 13 chương trình hợp tác trong Ủy hội sông Mê Công; tham gia hợp tác Mê Công - Lan Thương.

### 3.2.1 Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ Chiến lược (16)

(10) Đa dạng hóa các nguồn lực tài chính và tập trung đầu tư có hiệu quả

- Từ năm 2012 đến nay, **đầu tư từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp BVMT (trong đó có ứng phó với BĐKH) có chuyển biến tích cực**
- Đã xây dựng các cơ chế, **thiết chế tài chính phù hợp** với các chính sách quốc tế về BĐKH: Cơ chế tài chính Chương trình SP-RCC;
- Việt Nam đã tích cực tham gia các chương trình quốc tế về **giảm nhẹ phát thải KNK như chương trình CDM**, cơ chế tín chỉ chung với Nhật Bản (JCM), Cơ chế tài chính **Chương trình REDD+**;
- Ban hành các văn bản tăng cường công tác quản lý, **cơ chế phối hợp trong việc sử dụng các nguồn vốn cho ứng phó với BĐKH.**

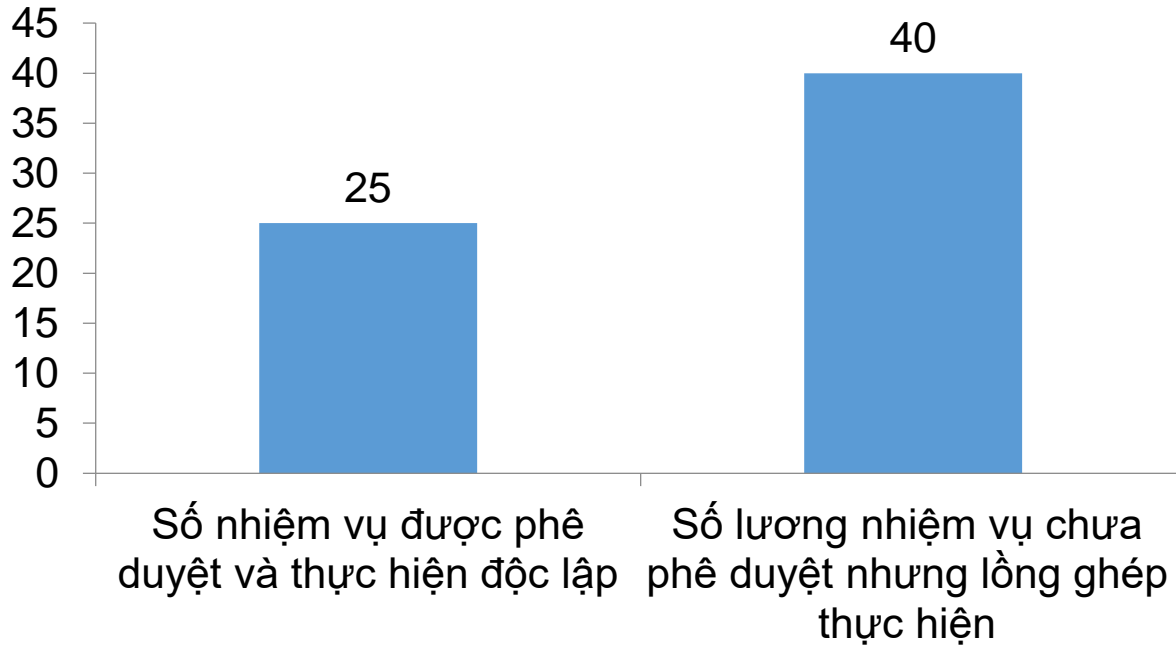


## 3.2.2 Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động

- KHHĐ quốc gia về BĐKH được ban hành tại Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05/10/2012: (i) 65 chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ cho giai đoạn 2012-2020 và; (ii) 10 chương trình, đề án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn **2012-2015**.
- **Kết quả đánh giá cho thấy:**
  - ✓ Số lượng đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt, đã và đang triển khai thực hiện là 25/65 (chiếm 38%).
  - ✓ Số lượng đề án, dự án, nhiệm vụ chưa được phê duyệt nhưng đã và đang được thực hiện lồng ghép vào các chương trình, dự án, nhiệm vụ của cơ quan chủ trì là 40/65 (chiếm 62%).



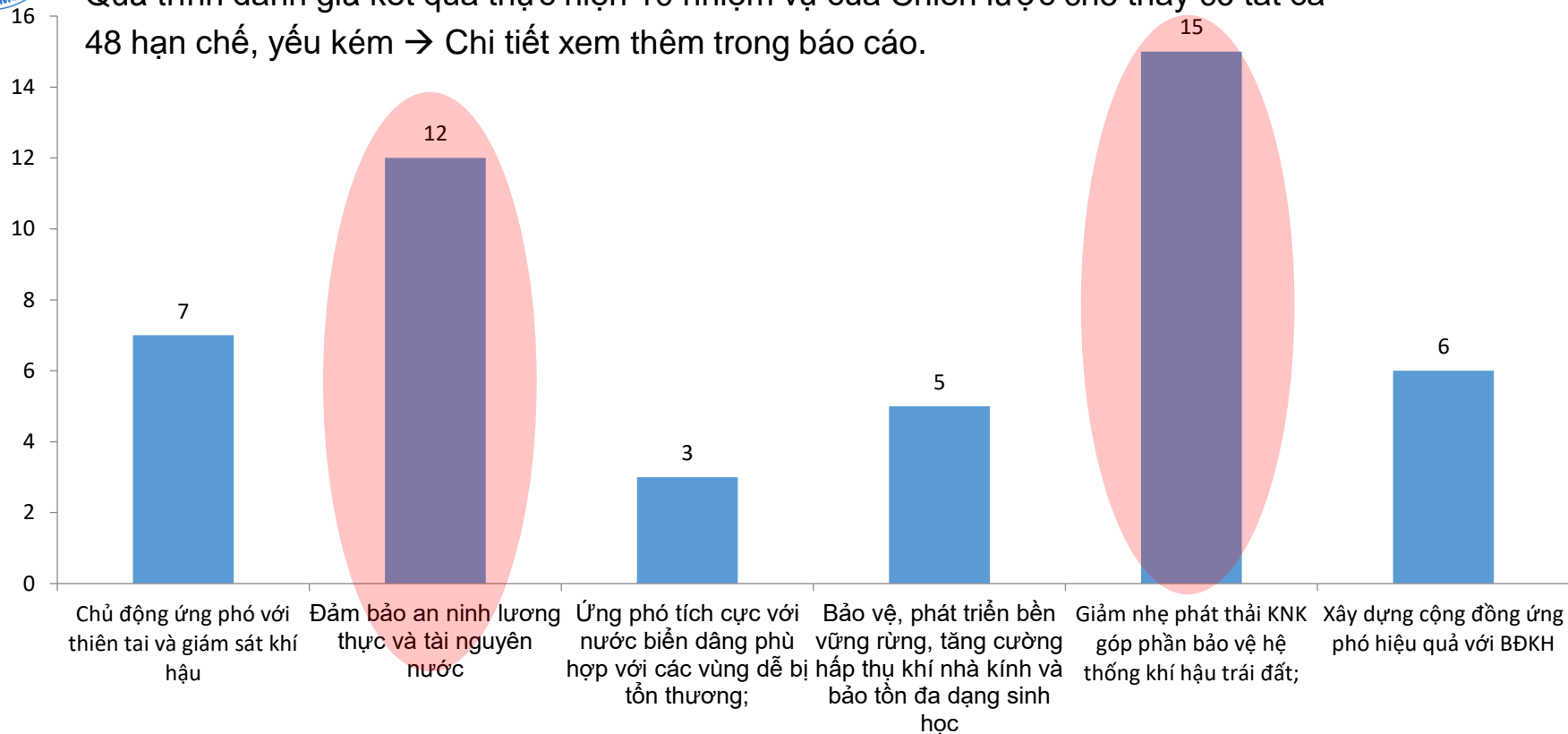
## Tình hình phê duyệt và triển khai 65 nhiệm vụ của Kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH





### 3.4. Hạn chế, yếu kém

Quá trình đánh giá kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ của Chiến lược cho thấy có tất cả 48 hạn chế, yếu kém → Chi tiết xem thêm trong báo cáo.





## 3.5. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

### 3.5.1 Nguyên nhân khách quan

- **BĐKH tiếp tục diễn biến phức tạp**, nhanh hơn dự báo, gây nhiều tác động tiêu cực đối với phát triển kinh tế-xã hội, trong khi Việt Nam nằm ở vị trí địa lý có tính dễ bị tổn thương cao, chịu nhiều tác động của BĐKH và nước biển dâng.
- Việc **tăng cường khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn**, loại bỏ công nghệ lạc hậu của các quốc gia lân cận gây tác động xấu đối với tài nguyên nước và giảm phát thải KNK của Việt Nam.
- Trình độ KHCN chưa cao, mức sống còn thấp; **mô hình tăng trưởng kinh tế chưa bền vững; gia tăng dân số**, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh làm gia tăng phát thải KNK và suy giảm đa dạng sinh học.

### 3.5.2 Nguyên nhân chủ quan

- **Nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động ứng phó với BĐKH và phong chống thiên tai chưa đáp ứng yêu cầu; các hành động cụ thể của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong ứng phó với biến đổi khí hậu chưa thực sự phổ biến;**
- **Hệ thống chính sách pháp luật về ứng phó BĐKH còn nhiều bất cập; vẫn còn thiếu nhiều cơ chế, chính sách; có sự trùng lặp, chồng chéo trong các kế hoạch, dẫn đến nguồn lực bị phân tán, không hiệu quả.**
- **Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực còn bất cập; việc tổ chức thực thi pháp luật còn yếu; hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật còn chưa cao.**

## 3.5.2 Nguyên nhân chủ quan (tiếp)

- **Nguồn lực tài chính cho ứng phó với BĐKH còn thiếu** so với yêu cầu; sự hỗ trợ của quốc tế có xu hướng giảm; việc huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp tư nhân còn yếu kém.
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong ứng phó BĐKH, nhìn chung còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu; hệ thống quan trắc KTTV, cơ sở dữ liệu về BĐKH còn hạn chế.
- Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH **không có hệ thống giám sát và đánh giá**; việc đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện chưa được quan tâm đúng mức, thể hiện qua việc nhiều nhiệm vụ, dự án trong Kế hoạch không được phê duyệt.

## 3.6 Đánh giá chung

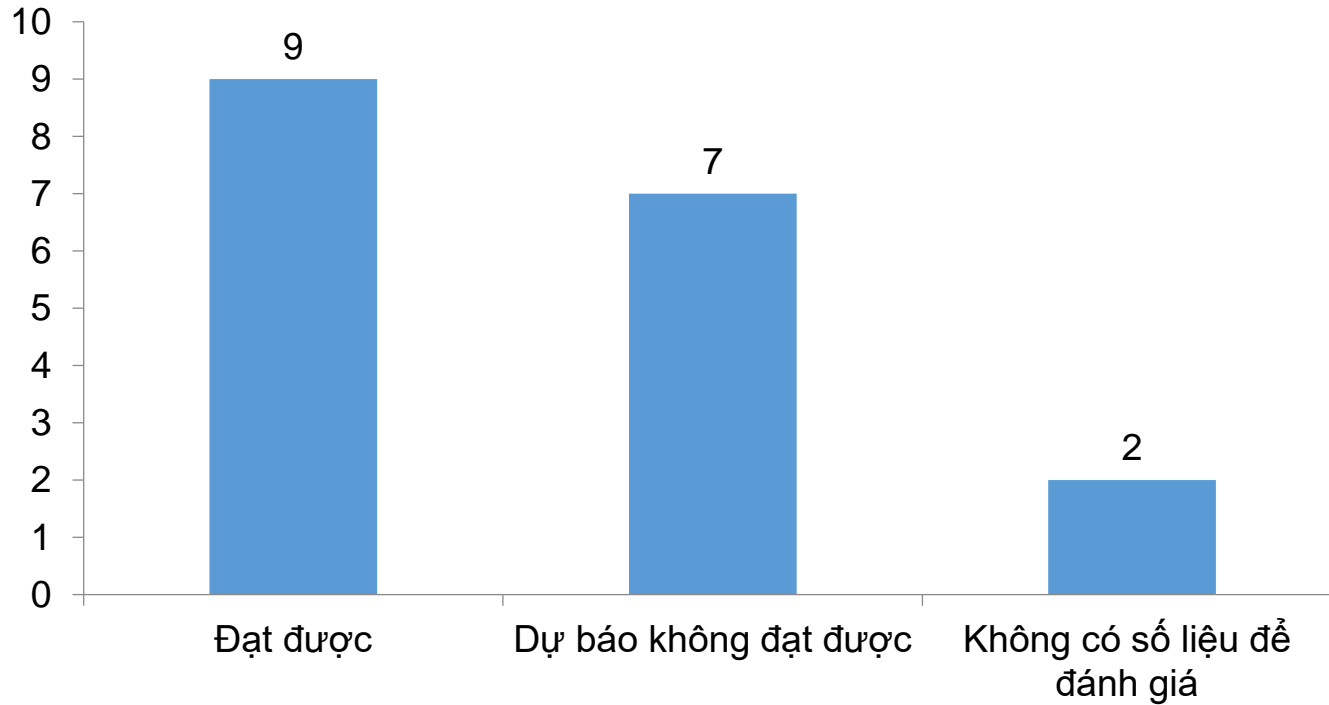
### 3.6.1 Về mục tiêu tổng quát của Chiến lược:

Việt Nam đã và đang nỗ lực để xây dựng năng lực chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH của con người và các hệ thống tự nhiên, bắt đầu thực hiện các hành động giảm phát thải KNK, hướng tới phát triển nền kinh tế các-bon thấp nhằm đạt được các mục tiêu PTBV 2030, tích cực cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

### 3.6.2 Về các mục tiêu cụ thể

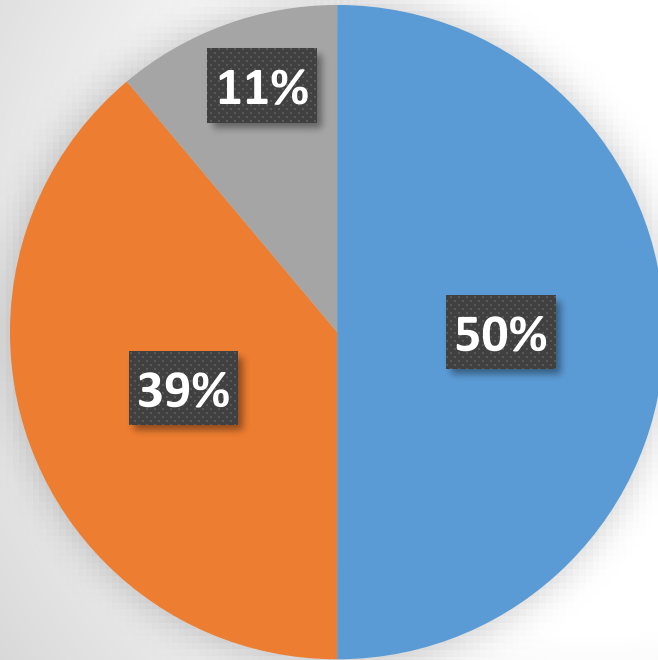
- **Đến 2020, Việt Nam cơ bản vẫn đảm bảo an ninh lương thực và an ninh năng lượng**, nhưng phải đối mặt với những thách thức về an ninh nguồn nước, đặc biệt ở ĐBSCL;
- **Nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh chưa trở thành xu hướng chủ đạo**; giảm nhẹ phát thải KNK và tăng khả năng hấp thụ KNK chưa trở thành chỉ tiêu bắt buộc trong phát triển kinh tế - xã hội mà sẽ là bắt buộc từ 2021;
- **Nhận thức về BĐKH đã được nâng cao hơn so với trước**, môi trường được coi là nền tảng cho phát triển kinh tế, xã hội bền vững, ứng phó với BĐKH cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển;
- Việt Nam đã và đang **góp phần tích cực với cộng đồng quốc tế** trong ứng phó với BĐKH.





Trong 18 chỉ tiêu mà Chiến lược đề ra đến năm 2015 và 2020, thì có **9 chỉ tiêu đạt được**; **7 chỉ tiêu khó đạt** và **2 chỉ tiêu không có đủ số liệu để đánh giá**.

## Đánh giá khả năng thực hiện các mục tiêu/ chỉ tiêu của chiến lược đến năm 2015 và năm 2020



- Có thể đạt được
- Dự báo không đạt được
- Không có số liệu để đánh giá

## IV. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2030

Kết quả thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động từ 2011 đến nay

Kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với BĐKH

Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến BĐKH

Đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn 2021-2030



## 4.1. Kết quả thực hiện

Đã trình bày chi tiết ở phần 3:



## 4.2. Kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với BĐKH

Trên cơ sở rà soát, nghiên cứu kinh nghiệm của 3 nhóm nước (các quốc gia đảo nhỏ, các quốc gia châu Á và Liên minh châu Âu)

→ Rút ra 18 bài học kinh nghiệm sau cho Việt Nam trong thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2030.



## 4.2.1 Về huy động nguồn lực cho ứng phó BĐKH

1. Tăng cường tiếp cận và **huy động nguồn lực từ các quỹ môi trường và khí hậu đa phương**, các đối tác phát triển quốc tế.
2. Thiết lập và vận hành các **quỹ quốc gia để ứng phó với BĐKH**
3. Xây dựng và **áp dụng thuế các-bon và thị trường buôn bán phát thải (ETS)**, đẩy mạnh tham gia cơ chế JCM để huy động sự hỗ trợ của Nhật Bản và sự tham gia của doanh nghiệp trong nước.
4. Thúc đẩy sự **tham gia của khối tư nhân** trong ứng phó với BĐKH
5. **Đẩy mạnh sự tham gia tích cực của cộng đồng**; tăng cường sự hợp tác chặt chẽ của các bên liên quan để nâng cao tính hội tụ và hiệu quả của nguồn lực ứng phó với BĐKH.



## 4.2.2. Về xác định các lĩnh vực/khu vực ưu tiên



### a. Lĩnh vực thích ứng

6. Ưu tiên lĩnh vực thích ứng liên quan đến **bảo đảm ANLT, an ninh tài nguyên nước** và sinh kế của người dân, đặc biệt những vùng dễ bị tổn thương;
7. Chú trọng thích ứng với nước biển dâng, trong đó ưu tiên các giải pháp dựa **vào tự nhiên (NbS), thích ứng dựa trên hệ sinh thái (EbA)**; tăng cường bảo vệ và phát triển rừng;
8. Khuyến khích áp dụng **bảo hiểm rủi ro do biến đổi khí hậu** và đánh giá rủi ro khí hậu, rủi ro thiên tai trong thực hiện các quy hoạch phát triển và các dự án đầu tư;
9. Nâng cao vai trò của **chính quyền địa phương**, tăng cường sự liên kết giữa các vùng, địa phương trong thích ứng với BĐKH;
10. Ưu tiên lĩnh vực thích ứng liên **quan đến sức khỏe con người**, chú trọng đến các biện pháp ứng phó với tác động của BĐKH và gia tăng dịch bệnh.

## b) Lĩnh vực giảm nhẹ

11. **Năng lượng là lĩnh vực ưu tiên cao** trong khi nông nghiệp và LULUCF cũng là những lĩnh vực được chú trọng ở các nước đang phát triển.
12. Đẩy mạnh **chuyển đổi mô hình phát triển**, thực hiện tăng trưởng xanh để phát triển kinh tế đồng thời giảm phát thải khí nhà kính.
13. **Tăng cường hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**, các mục tiêu tự nguyện để thúc đẩy giảm phát thải KNK trong lĩnh vực năng lượng.
14. **Thiết lập hệ thống buôn bán phát thải (ETS)**, thực hiện cơ chế tín chỉ chung (JCM) và thể chế hóa hoạt động giảm nhẹ.



### *4.2.3. Về thiết lập nền tảng và cơ chế chia sẻ thông tin*

15. **Thiết lập nền tảng thông tin về BĐKH kết nối từ Trung ương đến địa phương và giữa các ngành, lĩnh vực.**
16. **Xây dựng và vận hành cơ chế cập nhật và chia sẻ thông tin về biến đổi khí hậu trực tuyến**

### *4.2.4. Về xây dựng cơ chế giám sát thực hiện chính sách BĐKH*

17. **Xây dựng cơ chế báo cáo về thực hiện các mục tiêu ứng phó BĐKH**
18. **Xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá về ứng phó với BĐKH**



## 4.3. Bối cảnh quốc tế và trong nước



### 4.3.1 Bối cảnh quốc tế

- **Tăng trưởng xanh, phát triển nền kinh tế xanh tiếp tục được các nước triển khai** thông qua phát triển năng lượng sạch, các-bon thấp và phát triển bao trùm;
- **Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững** đến 2030 với 17 mục tiêu (SDGs) sẽ là những trọng tâm trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia;
- **Kể từ năm 2021, Việt Nam bắt buộc thực hiện các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** đã đề cập trong NDC;
- **BĐKH tiếp tục diễn biến theo chiều hướng ngày càng gia tăng.**

### 4.3.2 *Bối cảnh trong nước*

- **Mô hình tăng trưởng kinh tế chưa bền vững**, chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động còn thấp, nguy cơ “bẫy thu nhập trung bình”;
- **Thiên tai, dịch bệnh, BĐKH**, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học,...;
- **Xu hướng BĐKH và nước biển dâng** ở Việt Nam ngày càng rõ và tác động đến tất cả các ngành, lĩnh vực và địa phương;
- **Chủ trương của Đảng, Nhà nước trong thời gian tới cần phải thực hiện “phát triển nhanh và bền vững”**, tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế;
- **Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường** định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân,...

## 4.3.2 Cơ hội và thách thức

### a) Cơ hội

- **Cộng đồng quốc tế đã nhận thức đúng hơn về những tác động của BĐKH toàn cầu** và cam kết cùng nỗ lực để chống lại BĐKH. Thỏa thuận Paris về BĐKH, Chương trình nghị sự vì sự PTBV đến 2030; Mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và kinh tế ít phát thải đang được nhiều quốc gia đẩy mạnh áp dụng.
- **Định hướng về ứng phó với BĐKH đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam xây dựng**, quán triệt đến tất cả các cấp, các ngành.
- **Nhận thức, quan điểm của Đảng về môi trường đã có bước chuyển biến mạnh mẽ.** Ứng phó với BĐKH phải được đặt ở trung tâm các quyết định phát triển. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế tư nhân đã trở thành chủ trương của Đảng

## ***b) Thách thức***

- **BĐKH diễn biến nhanh**, gây tác động tiêu cực đến tài nguyên môi trường nước ta. Xâm nhập mặn, hạn hán đã và đang diễn biến ngày càng tăng ở các địa phương Nam Trung Bộ và ĐBSCL,...
- Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chưa bền vững. **Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng**, phát thải nhiều chất thải và KNK. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh;
- **Từ năm 2021, Việt Nam chính thức thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải KNK theo NDC**, tuy nhiên nhận thức chưa có nhiều thay đổi, nhu cầu đầu tư cho ứng phó với BĐKH là rất lớn trong khi nguồn lực còn rất hạn chế.



## 4.4. Giải pháp thúc đẩy thực hiện Chiến lược trong giai đoạn 2021-2030

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện, kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh quốc tế cũng như trong nước → **Đề xuất 10 nhóm giải pháp đề xuất sau đây:**

- 1. Khắc phục các hạn chế, bất cập**, tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược; **chú trọng một số ngành, lĩnh vực ưu tiên với đồng lợi ích cao**; tập trung ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số địa bàn, khu vực trọng điểm;
- 2. Tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành về ứng phó với biến đổi khí hậu**; biến ý thức của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư thành hành động cụ thể trong ứng phó với biến đổi khí hậu; **bảo đảm công bằng giới** và các **nhóm yếu thế** trong xã hội trong ứng phó với biến đổi khí hậu.
- 3. Hoàn thiện hệ thống chính sách**, pháp luật về ứng phó với BĐKH trên cơ sở sửa đổi, xây dựng cơ chế chính sách; **tích hợp biến đổi khí hậu vào các chiến lược**, quy hoạch phát triển; thống nhất các kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu. .



4. Tiếp tục **kiện toàn tổ chức bộ máy**, tăng cường vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương; nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước trong các lĩnh vực về ứng phó với BĐKH; **nâng cao vai trò điều phối của Bộ TNMT**;
5. **Tăng đầu tư từ ngân sách**; thúc đẩy huy động tài chính từ quốc tế; **huy động sự tham gia đầu tư của khối doanh nghiệp tư nhân** trong các hoạt động ứng phó với BĐKH;
6. **Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ**, chuyển đổi số; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong ứng phó với BĐKH;
7. **Tiếp tục phát triển mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn**, giám sát biến đổi khí hậu hiện đại; xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu, thông tin về ứng phó với BĐKH;



8. Tận dụng các cơ hội của quá trình hội nhập sâu rộng của Việt Nam; **tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực ứng phó với BĐKH;**
9. Tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội, **các hiệp hội nghề nghiệp và của cộng đồng;** tăng cường sự hợp tác chặt chẽ của các bên liên quan để nâng cao tính hội tụ và hiệu quả trong ứng phó với BĐKH;
10. Rà soát, điều chỉnh, **xây dựng và áp dụng cơ chế giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;** xây dựng hệ thống theo dõi, báo cáo và thẩm định (MRV) đối với hoạt động ứng phó với BĐKH;



## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## KẾT LUẬN

- Chiến lược quốc gia về BĐKH đã **đề ra định hướng dài hạn về ứng phó với BĐKH** của Việt Nam;
- Các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược **thống nhất với các chiến lược PTBV, tăng trưởng xanh**, các ngành, lĩnh vực có liên quan;
- Nhận thức về BĐKH đã được nâng cao, **tuy nhiên ý thức trách nhiệm và năng lực ứng phó với BĐKH** của các bên liên quan vẫn còn hạn chế
- Tiềm lực khoa học và công nghệ, **chất lượng nguồn nhân lực còn yếu**; thể chế, chính sách về BĐKH còn nhiều bất cập.
- **Nguồn lực tài chính trong ứng phó với BĐKH còn thiếu**, sử dụng còn phân tán, chưa hiệu quả; chưa tận dụng các cơ hội từ BĐKH để phát triển kinh tế - xã hội; lối sống, mẫu hình tiêu thụ thân thiện với hệ thống khí hậu chưa phổ biến



## KIẾN NGHỊ



1. Bộ TNMT **chủ trì**, phối hợp **với các Bộ, ngành**, các bên liên quan, rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn 2021-2030 nhằm định hướng rõ các vấn đề cấp bách, **ưu tiên gắn với việc thực hiện NDC**; nghiên cứu, **đề xuất Chính phủ hợp nhất các chương trình, kế hoạch, đề án về BĐKH** giai đoạn 2021-2030; **xây dựng và ban hành khung giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2030**;
2. Bộ KHĐT, các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ của Chiến lược, đưa mục tiêu **giảm phát thải KNK vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, lĩnh vực**, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh trong giai đoạn 2021-2030;
3. Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, đoàn thể, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư xem xét, tổ chức thực hiện các giải pháp đã nêu.



**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**